

# VĂN HÓA ĐÔNG SƠN: 90 NĂM PHÁT HIỆN VÀ NGHIÊN CỨU\*

TRÌNH NĂNG CHUNG\*\*

**Tóm tắt:** Bài viết nêu lên quá trình phát hiện và nghiên cứu văn hóa Đông Sơn trong 90 năm qua. Việc xác lập văn hoá Đông Sơn là công lao thuộc về các học giả nước ngoài ở nửa đầu thế kỷ trước, còn những nỗ lực nhằm làm sáng tỏ mọi khía cạnh của nền văn hoá này thuộc về nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu khảo cổ học Việt Nam. Bài viết cũng đề cập đến những nhận thức cơ bản về văn hóa Đông Sơn, như đặc trưng phân bố, đặc trưng hiện vật, niên đại và các giai đoạn phát triển, đời sống kinh tế, đời sống tinh thần, sự phân hóa xã hội và hình thành Nhà nước sơ khai và mối quan hệ giữa văn hóa Đông Sơn với các nền văn hóa trong khu vực lân cận.

**Từ khóa:** Văn hóa Đông Sơn, phát hiện, nghiên cứu.

## 1. Những chặng đường phát hiện và nghiên cứu

**1.1.** Đúng 90 năm trước, mùa hè năm 1924, di tích Đông Sơn được phát hiện do một người nông dân đi câu cá đã tìm thấy một số đồ đồng xuất lộ ra ở bờ sông Mã sau những cơn mưa lớn. Sự kiện này đã thu hút được sự chú ý của các học giả Trường Viễn Đông Bác cổ. Những cuộc khai quật Đông Sơn đầu tiên được tiến hành từ năm 1924 đến năm 1932 dưới sự điều khiển của Pajot. L, một viên chức thuế quan và cũng là người sưu tầm cổ vật ở Thanh Hoá. Kết quả của những cuộc khai quật này được Goloubew.V, một học giả Trường Viễn Đông Bác cổ, mệnh danh là: "Thời đại đồng thau ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ" để xác định nội dung của văn hoá khảo cổ mới được khám phá này. Những phát

hiện ở Đông Sơn gây sự chú ý của các học giả nghiên cứu trong khu vực. Năm 1934, Heine Geldern R, nhà khảo cổ học người Áo, đã đề nghị gọi thời kỳ đó là "Văn hóa Đông Sơn".

Từ năm 1935 đến 1939, hàng loạt cuộc khai quật và nghiên cứu di chỉ Đông Sơn và các sưu tập hiện vật ở khắp miền Bắc Việt Nam của Janse O. được công bố.

Mặc dù thuật ngữ "Văn hóa Đông Sơn" do Heine Geldern đưa ra nhanh chóng được thừa nhận và sử dụng rộng rãi, nhưng nội dung văn hóa này lại

---

(\*) Bài viết này là một phần trong công trình nghiên cứu (mã số IV1.2-2010.02) nhận được tài trợ từ Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia - Nafosted.

(\*\*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

được diễn giải theo nhiều cách khác nhau trong giới tiền sử học đương thời. Có một thời gian dài các học giả chia sẻ với Heine Geldern khi cho rằng văn hóa Đông Sơn là đại diện cho tất cả các văn hóa thời đại đồng thau ở vùng Vân Nam và Đông Nam Á. Về niên đại của nền văn hóa Đông Sơn cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Heine Geldern cho niên đại mở đầu của văn hóa Đông Sơn vào khoảng thế kỷ VIII-VII tr CN, trong khi Karlgren thì xếp vào khoảng thế kỷ IV-III tr CN. Goloubew cho rằng, thời đại kết thúc của văn hóa Đông Sơn vào khoảng thời Hán. Khi bàn về nguồn gốc văn hóa Đông Sơn, hầu hết các học giả nói trên tuy nhận thấy tính chất bản địa, độc đáo của văn hóa Đông Sơn, nhưng thường đi tìm mối quan hệ nguồn gốc của văn hóa Đông Sơn ở bên ngoài, hay chịu sự ảnh hưởng của bên ngoài.

Dẫu còn những hạn chế tất yếu nào đó do trình độ khảo cổ học đương thời, nhưng việc phát hiện và xác lập văn hoá Đông Sơn là một trong những thành tựu quan trọng nhất của khảo cổ học tiền sử Đông Dương thuở thiếu thời. Công lao đó thuộc về các học giả nước ngoài, còn những nỗ lực nhằm làm sáng tỏ mọi khía cạnh của nền văn hoá này thuộc về nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu khảo cổ học Việt Nam.

**1.2.** Sau năm 1954, ngành khảo cổ học non trẻ Việt Nam tiến hành điều tra cơ bản cũng như bước đầu nghiên cứu

nhằm làm rõ hơn nội dung các văn hoá khảo cổ học ở miền Bắc nước ta, đặc biệt là văn hóa Đông Sơn.

Trong những năm 1959-1960, việc phát hiện và khai quật kho mũi tên đồng ở Cầu Vực (Cổ Loa) hay như di tích Phùng Nguyên và Thiệu Dương đã mở đầu cho công cuộc nghiên cứu thời đại kim khí ở nước ta. Đáng chú ý là từ năm 1961-1967, di tích Đông Sơn được khai quật với quy mô lớn. Cũng khoảng thời gian này, ở lưu vực sông Mã, sông Chu, các nhà khảo cổ đã phát hiện và khai quật nhiều di tích có những đặc trưng gần gũi với văn hóa Đông Sơn. Tại lưu vực sông Hồng, rất nhiều di tích Đông Sơn được phát hiện. Nổi bật là bộ sưu tập đồ đồng Đông Sơn tìm được ở ven sông Hồng ở tỉnh Yên Bái; đó là những hiện vật vô cùng độc đáo (như chiếc thạp đồng Đào Thịnh, nay trở thành bảo vật Quốc gia). Trên đất tổ Vua Hùng vùng Phú Thọ các nhà khảo cổ học đã phát hiện được nhiều di tích Đông Sơn điển hình ở Thanh Đình, Chính Nghĩa, Phú Hậu, v.v.. Ở vùng duyên hải Hải Phòng, các nhà khảo cổ học đã phát hiện nhiều di tích đáng chú ý, nổi bật là những ngôi mộ thân cây khoét rỗng ở Việt Khê.

Từ 1968-1970, nhiều di tích quan trọng của văn hóa Đông Sơn (như địa điểm Vinh Quang, Cổ Loa, Đình Chàng, v.v.) được khai quật và nghiên cứu, phục vụ đắc lực cho thời kỳ nghiên cứu thời đại Hùng Vương do Viện Khảo cổ

học khởi xướng.

Bước vào những năm 1970 đến đầu thập kỷ 1980, bên cạnh công cuộc nghiên cứu các di tích Đông Sơn, một loạt các di tích có tính chất khác Đông Sơn, mà sau này chúng được xác định thuộc giai đoạn Tiền Đông Sơn, điển hình như Phùng Nguyên (lần hai), Gò Mun (Phú Thọ), Lũng Hòa, Đồng Đậu (Vĩnh Phúc), Từ Sơn (Bắc Ninh), Văn Điển, Đồng Dền, Đình Chàng (Hà Nội), Tràng Kênh (Hải Phòng), Đông Khôi (Thanh Hóa), v.v. đã được khai quật. Trong các di tích Đông Sơn ở lưu vực sông Hồng, nổi bật có di tích Làng Cả, di tích Gò De, Thanh Đình với số lượng phong phú các di vật đồng, đó là những bằng chứng vật chất thuyết phục về vùng Kinh đô Văn Lang ở vùng đất Tổ. Việc phát hiện di tích Mả Tre trong thành cổ Cổ Loa (với di vật độc đáo chiếc trống Cổ Loa I cùng nhiều hiện vật đồng có giá trị) đã cho thấy vai trò trung tâm kinh tế, chính trị, quân sự của Kinh đô nước Âu Lạc. Kết quả các nghiên cứu và khai quật nói trên đã giúp các nhà khảo cổ học xác lập được phổ hệ phát triển văn hóa thời kim khí vùng châu thổ Bắc Bộ: Phùng Nguyên - Đồng Đậu - Gò Mun - Đông Sơn.

Ở lưu vực sông Mã, các nhà khảo cổ học cũng phát hiện hàng loạt các di tích kim khí. Đáng chú ý là những cuộc khai quật lớn ở các di tích Hoa Lộc (1976), Đông Sơn (1976, lần ba), Núi Nấp (1977), Quỳ Chử (1978), Cồn Cẩu, Mả

Chùa, Bái Tê, Đông Tiến (1979, 1980). Các nhà khảo cổ học đã nhận thấy những văn hoá Tiền Đông Sơn không giống với lưu vực sông Hồng. Kết quả của các đợt nghiên cứu này là đã xác lập được một phổ hệ phát triển văn hoá Đông Sơn ở Bắc Trung Bộ: Cồn Chân Tiên - Bái Man - Quỳ Chử - Đông Sơn.

Ở giai đoạn này, tại lưu vực sông Lam, các nhà khảo cổ học đã phát hiện và khai quật di chỉ Làng Vạc vào năm 1973. Mặc dù số lượng di tích Đông Sơn được phát hiện không nhiều, nhưng điều đó cũng đã thể hiện diện mạo của các giai đoạn văn hoá Tiền Đông Sơn ở sông Lam, khác biệt với vùng sông Mã và sông Hồng. Có những cuộc khai quật lớn như Rú Trăn (1975), Làng Vạc (1981), Đồng Mỏm (1976), Đền Đồi (1983). Một phổ hệ thời đại kim khí ở lưu vực sông Lam cũng đã được làm sáng tỏ: Đền Đồi - Rú Cật - Rú Trăn - Làng Vạc.

Thành tựu nghiên cứu khảo cổ học trong thời kỳ này có một ý nghĩa lớn là xác lập được diện mạo của các văn hoá Tiền Đông Sơn ở các vùng khác nhau. Những văn hoá này phát triển và hoà quyện với nhau để dần dần tiến lên một nền văn hoá chung, thống nhất trong đa dạng: Văn hoá Đông Sơn. Sự có mặt của các giai đoạn văn hóa Tiền Đông Sơn là bằng chứng đầy thuyết phục về nguồn gốc bản địa của văn hóa Đông Sơn, khẳng định văn hóa Đông Sơn được hình thành tại chỗ từ các giai đoạn văn

hóa Tiền Đông Sơn trên các lưu vực sông Hồng, sông Mã và sông Cả. Tất nhiên, trong quá trình hình thành và phát triển, văn hóa Đông Sơn tiếp thu có chọn lọc các yếu tố văn hóa của các nền văn hóa lân cận, chủ yếu là văn hóa Diên và văn hóa Hán.

Ngoài việc xác định diện mạo các nền văn hoá, các nhà khảo cổ học cũng đã đi sâu nghiên cứu nhiều vấn đề của văn hóa Đông Sơn như luyện kim, hoạt động kinh tế, đời sống vật chất, tinh thần, những loạt di vật độc đáo như trống đồng Đông Sơn, các loại vũ khí, các đồ trang sức bằng đồng. Từ năm 1990 tới nay là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của công cuộc nghiên cứu văn hóa Đông Sơn với sự hợp tác với các học giả nước ngoài. Năm 1990, khu mộ địa Làng Vạc được khai quật lần thứ hai với quy mô lớn, có sự tham gia của các nhà khảo cổ học Nhật. Năm 1991, các di chỉ Xóm Đình và Đồng Mỏm được khai quật với sự hợp tác của các nhà khảo cổ học Nhật Bản. Cuộc hợp tác khai quật giữa các nhà khảo cổ học Việt Nam và Hàn Quốc tại di chỉ Đình Tràng (Hà Nội) vào năm 2010 đã góp phần làm sáng tỏ văn hóa Đông Sơn vùng đồng bằng Bắc Bộ. Cũng cần phải kể đến cuộc khai quật Thành Dền được thực hiện do các nhà khảo cổ học Việt Nam hợp tác với Mỹ; cuộc khai quật Tràng Kênh phối hợp giữa các nhà khảo cổ học Việt Nam và Hồng Kông, v.v..

Thời kỳ này cũng có nhiều phát hiện

khảo cổ học quan trọng ngẫu nhiên trong lòng đất. Tiêu biểu là việc phát lộ hơn hai chục chiếc trống Đông Sơn trên những quả đồi ven sông Hồng ở thành phố Lào Cai, hay như địa điểm tại Động Xá (Hung Yên), một khu mộ Đông Sơn với những quan tài thân cây khoét rỗng được phát hiện ngẫu nhiên trong quá trình nhân dân đào mương làm thủy lợi. Đây là những đóng góp cho sự nhận thức về một trung tâm văn hóa Đông Sơn ở vùng cực Bắc.

**1.3.** Trong quá trình nghiên cứu về văn hóa Đông Sơn, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu vừa mang tính tổng hợp vừa mang tính chuyên sâu. Tiêu biểu là những tác phẩm *Những vết tích đầu tiên của thời đại đồng thau ở Việt Nam* (Lê Văn Lan, Phạm Văn Kinh, Nguyễn Linh, 1963); bốn tập *Kỷ yếu Hùng Vương dựng nước* do Viện Khảo cổ học xuất bản; *Trống Đông Sơn* (Phạm Minh Huyền, Nguyễn Văn Huyền, Trịnh Sinh, 1987); *Dong Son drums in Viet Nam* (Phạm Huy Thông, 1990); *Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam* (Hà Văn Tấn, 1994); *Văn hóa Đông Sơn tính thống nhất và đa dạng* (Phạm Minh Huyền, 1996); *Khảo cổ học Việt Nam, tập II* (Hà Văn Tấn, 1999). Ngoài những công trình nghiên cứu trên, đã có hàng trăm bài nghiên cứu di tích, di vật Đông Sơn công bố trên các tạp chí chuyên ngành, hoặc trong *Kỷ yếu Những phát hiện mới khảo cổ học* xuất bản hàng năm.

Bên cạnh các tác phẩm đề cập đến văn hóa Đông Sơn của các tác giả Việt Nam, đã xuất hiện một số công trình nghiên cứu của các học giả nước ngoài đề cập đến những vấn đề liên quan đến thời đại kim khí vùng Đông Nam Á và Nam Trung Quốc.

Cho đến nay, văn hóa Đông Sơn đã trải qua 90 năm phát hiện và nghiên cứu. Các nhà khoa học đã giải quyết được nhiều vấn đề, nhưng cũng còn nhiều vấn đề cần làm sáng tỏ. Đó cũng chính là lý do vì sao văn hóa Đông Sơn đến nay vẫn là đề tài có sức hút lớn niềm phấn khích nghiên cứu của các nhà khoa học trên con đường tìm hiểu lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

## **2. Những nhận thức cơ bản về văn hóa Đông Sơn**

### ***2.1. Không gian phân bố di tích Đông Sơn***

Cho đến nay, theo thống kê chưa đầy đủ, đã có trên 400 di tích Đông Sơn được phát hiện và nghiên cứu. Các nhà khảo cổ khá thống nhất vấn đề địa vực phân bố văn hoá Đông Sơn cơ bản trùng với địa bàn miền Bắc Việt Nam hiện nay.

Trên 400 di tích Đông Sơn đã được biết đến ở Việt Nam, có phạm vi phân bố từ biên giới của Việt Nam với Trung Quốc về phía bắc; với biên giới Việt - Lào ở phía tây; với tỉnh Quảng Bình ở phía nam. Trong đó bao gồm đủ các di tích khảo cổ tiêu biểu như các di chỉ cư trú; di tích mộ táng; di chỉ - di tích cư

trú- mộ táng; di tích xương, di chỉ - di tích cư trú - xương; và nhiều nhất là các di tích tìm thấy hiện vật lễ tế.

Cư dân Đông Sơn sống tập trung ở vùng đồng bằng là chủ yếu, nơi có đất đai rộng lớn thích hợp với điều kiện canh tác nông nghiệp trồng lúa nước. Mật độ cư dân Đông Sơn ở vùng núi thưa thớt hơn. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng, một trong những quy luật cư trú trong thời Đông Sơn là các khu vực giao nhau giữa các dòng suối, dòng sông, những ngã ba sông đều là những khu vực có những trung tâm kinh tế, xã hội lớn mạnh đương thời. Mỗi trung tâm gồm có một di tích lớn và có một số các di tích nhỏ xung quanh hoặc trung tâm gồm nhiều di tích phân bố tập trung. Giữa các trung tâm này có mối quan hệ chặt chẽ, thường có sự giao lưu trao đổi lẫn nhau, điều đó tạo nên sắc thái Đông Sơn là một văn hóa thống nhất trong đa dạng. Điều kiện tự nhiên ở ba lưu vực sông Hồng, sông Cả và sông Lam đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế của cộng đồng người Đông Sơn. Các di tích làng cổ, mộ táng cổ phân bố khá dày đặc ở dọc các sông này, có thể kể ra những di tích nổi tiếng đều ở vùng ven sông như Làng Cả (ngã ba sông Hồng - sông Đà - sông Lô), Cổ Loa (ven sông Hoàng Giang, sông Hồng), Đông Sơn (ven sông Mã), Làng Vạc (ven sông Hiếu).

Các khu mộ táng Đông Sơn thường phân bố gần kề các di chỉ cư trú. Mộ

táng Đông Sơn không những nhiều về số lượng, mà còn phong phú đa dạng về phương pháp mai táng, như mộ huyệt đất không quan tài, mộ thân cây khoét rỗng, mộ nôi, mộ vò, v.v..

### **2.2. Niên đại và các giai đoạn phát triển**

Đến nay, phần lớn các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đều thống nhất xếp văn hóa Đông Sơn vào cuối thời đại đồng thau, đầu thời đại đồ sắt.

Căn cứ vào sự diễn biến địa tầng của một số di tích có địa tầng dày như Đồi Đậu, Đình Tràng, cũng như dựa vào tổ hợp các di vật đồ đồng, đồ gốm và đồ sắt cùng các niên đại được xác định bằng phương pháp niên đại C14, hầu hết các nhà nghiên cứu xếp văn hóa Đông Sơn có niên đại khoảng từ thế kỷ VII trước Công nguyên đến thế kỷ I-II sau Công nguyên. Trong khoảng gần 1000 năm phát triển, văn hóa Đông Sơn trải qua hai giai đoạn phát triển kế tục nhau: Giai đoạn sớm, văn hóa Đông Sơn chưa có đồ sắt, chưa chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán. Giai đoạn muộn, văn hóa Đông Sơn đã xuất hiện đồ sắt và ít nhiều chịu ảnh hưởng của yếu tố văn hóa Hán được thể hiện trên đồ gốm và đồ đồng.

### **2.3. Đặc trưng bộ sưu tập hiện vật văn hóa Đông Sơn**

Hiện vật văn hóa Đông Sơn vô cùng phong phú, phần lớn được phát hiện trong các di chỉ cư trú và khu mộ táng. Không ít hiện vật Đông Sơn được phát hiện một cách ngẫu nhiên, lẻ tẻ, nhưng

cũng quan trọng. Chẳng hạn, trống đồng Ngọc Lũ, trống Hoàng Hạ, trống Cổ Loa I hay thạp đồng Đào Thịnh, kho mũi tên đồng Cổ Loa, v.v. đều được phát hiện ngẫu nhiên, không phải qua khai quật mà có.

Hiện vật văn hóa Đông Sơn gồm nhiều chất liệu khác nhau như đồ đá, đồ đồng, đồ sắt, đồ gốm, đồ thủy tinh, đồ gỗ, đồ xương, v.v.. Trong số những loại hiện vật trên, số lượng nhiều nhất, đẹp nhất có tính tiêu biểu là nhóm đồ đồng, chúng được người xưa tạo ra với kỹ thuật đúc điều luyện và trình độ thẩm mỹ cao. Đồ đồng không những nhiều về số lượng, mà còn phong phú về hình loại. Đó là những công cụ sản xuất như rìu, bôn, lưỡi liềm, lưỡi cày, lưỡi đục, lưỡi câu; các đồ dùng sinh hoạt như thạp, thố, âu, bình, quả cân, muôi, thìa; các loại vũ khí như dao găm, giáo, lao, mũi tên, mảnh hộ tâm phiến; các loại đồ trang sức như vòng ống, vòng tay; các loại nhạc khí như trống, chuông, sênh v.v..

Trong những hiện vật đồ đồng, thì trống Đông Sơn được xem là di vật tiêu biểu cho văn minh của người Việt cổ thời dựng nước. Đến nay, người ta đã tìm thấy hơn 500 trống Đông Sơn, điển hình là trống Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, Cổ Loa v.v...

### **2.4. Các ngành kinh tế cơ bản của văn hóa Đông Sơn**

Nghiên cứu bộ di vật văn hóa Đông Sơn, biểu trưng của sức sản xuất Đông

Sơn, chúng ta có thể thấy được sự phát triển của các ngành kinh tế đặc trưng, bên cạnh một đời sống tinh thần hết sức phong phú của cư dân Đông Sơn.

#### *2.4.1. Nông nghiệp*

Người Đông Sơn là những người làm ruộng nước một cách thành thạo. Khảo cổ học đã cung cấp nhiều bằng chứng trực tiếp của nghề nông nghiệp trồng lúa nước. Ngay từ giai đoạn văn hoá Tiền Đông Sơn, chứng tích của hạt gạo cháy đã tìm được ở địa điểm Đồng Đậu (Vĩnh Phúc). Đến thời Đông Sơn thì các dấu tích thóc lúa trở nên phổ biến hơn. Cuộc khai quật Làng Cả năm 1976 đã phát hiện một số khuôn đúc bằng đất nung có thành phần đất sét trộn với bã thực vật lẫn dấu tích của vỏ trấu. Tại địa điểm Đông Tiến, lần khai quật năm 1979 cũng tìm được những cục đất có 11 dấu vết vỏ trấu. Ở địa điểm Làng Vạc, mấy đợt khai quật cũng tìm được nhiều vỏ trấu lẫn hạt thóc còn nguyên chưa bị cháy chứa trong thạp đồng.

Tài liệu về nông nghiệp Đông Sơn còn được phản ánh qua các thư tịch xưa. Sách *Giao Châu ngoại vực ký* cho biết: “Đất Giao Chỉ xưa khi chưa chia thành quận huyện, ruộng đất có ruộng Lạc, ruộng đó theo nước thủy triều lên xuống, dân khẩn ruộng đó mà ăn nên gọi là dân Lạc”. Sách *Thủy Kinh Chú* của Lịch Đạo Nguyên viết về việc đất Giao Chỉ, Cửu Chân có ruộng lúa hai mùa. Truyền thuyết “Bánh chưng bánh dày” cũng phản ánh sự tồn tại của lúa

nếp và một trong những cách chế biến sản phẩm nông nghiệp này.

Ngoài những chứng cứ trực tiếp từ dấu tích lúa gạo, các nhà khảo cổ học còn thu được nhiều loại di vật liên quan đến việc sản xuất nông nghiệp và chế biến những sản phẩm từ thóc lúa như cây, cuốc, liềm, lưỡi hái, chõ đồ xôi, v.v...

Bên cạnh việc trồng lúa nước, còn có việc trồng lúa nương trên các vùng núi và trung du của các cộng đồng cư dân nhỏ ở phân tán. Ngoài trồng lúa ra, cư dân Đông Sơn còn trồng nhiều loại cây lấy củ, cây rau, lấy hạt, mà tài liệu phân tích bào tử phấn hoa cũng cho thấy có mặt trong các tầng văn hoá của làng cổ Đông Sơn.

#### *2.4.2. Chăn nuôi*

Một ngành kinh tế gắn chặt với nông nghiệp, nhất là vào thời cổ đại, đó là chăn nuôi. Các bằng chứng khảo cổ cho thấy, cư dân Đông Sơn đã biết thuần dưỡng và sử dụng trâu, bò làm sức kéo sản xuất nông nghiệp. Người Đông Sơn còn nuôi chó, động vật quen thuộc từ bao đời nay. Hình ảnh con chó được khắc hoạ trên rìu đồng gót vuông ở Gò De, Làng Cả trong cảnh đang đón đầu hươu trong một cảnh đi săn.

Voi là động vật được người Đông Sơn thuần dưỡng phục vụ cho việc đánh trận và chuyên chở vật dụng. Tài liệu khảo cổ học đã cho thấy hình ảnh của voi trên nhiều tác phẩm nghệ thuật. Tượng voi có trống đồng đặt trên lưng xuất hiện trên phần cán dao găm tìm

được ở Làng Vạc. Xương voi còn tìm được trong tầng văn hoá của địa điểm Đông Sơn hay Gò Chiền Vây.

Một số loài động vật khác (như lợn, gà, dê) cũng có nhiều khả năng đã được người Đông Sơn nuôi. Các nguồn tài liệu cho thấy, vào thời văn hóa Đông Sơn chăn nuôi mới dừng ở một quy mô nhỏ, làng xã là chủ yếu. Chăn nuôi chưa hoàn toàn tách ra khỏi nông nghiệp như một số vùng khác trên thế giới.

#### 2.4.3. Luyện kim

Trong một thời gian dài, vào hơn nửa đầu thế kỷ trước, các học giả phương tây cho rằng, chủ nhân văn hóa Đông Sơn đã du nhập kỹ thuật luyện kim từ bên ngoài. Trên thực tế khảo cổ học trong suốt mấy chục năm qua đã tìm được lời giải đầy sức thuyết phục về việc người Đông Sơn đã nắm vững và phát triển kỹ thuật luyện kim ở trình độ cao.

Thực ra, ngay từ thời Tiền Đông Sơn, người xưa đã biết đến luyện đồng, khi đó họ đã pha chế được hợp kim đồng và thiếc. Hợp kim hai thành phần này đã có ở văn hoá Phùng Nguyên, giai đoạn mở đầu cho thời đại Kim Khí ở châu thổ sông Hồng. Đến giai đoạn văn hoá Đông Đậu và Gò Mun, cư dân cổ đã biết cách cho thêm acxênic và antimoan vào hợp kim để chế tác những mũi tên sắc bén hơn. Chủ nhân văn hoá Tiền Đông Sơn đã biết đến hợp kim đồng - thiếc.

Bước sang thời kỳ văn hóa Đông Sơn, những người thợ kim khí đã biết cho thêm thành phần chì, tạo ra hợp kim

đồng-chì-thiếc. Đây là yếu tố gây nên sự đột biến về kỹ thuật luyện kim. Chính nhờ nắm vững thuật luyện kim mà chủ nhân Đông Sơn đã hoàn toàn làm chủ được trong tất cả các công đoạn của quá trình đúc đồng, tạo ra nhiều sản phẩm có kích cỡ lớn, có giá trị về mặt nghệ thuật (trống, thạp, chuông) mà ở các giai đoạn trước không thể làm được.

Người Đông Sơn đã biết sử dụng ít ra là 11 loại hợp kim, biết chọn lựa hợp kim phù hợp với những loại đồ vật có công năng cụ thể.

Tại một số di chỉ Đông Sơn, các nhà khảo cổ học đã tìm được khá nhiều khuôn đúc đồng bằng sa thạch hay bằng đất nung. Nhiều khuôn đúc bằng đất nung dùng để đúc dao găm, dáo đồng, đồ trang sức tìm thấy ở Làng Cả, Làng Vạc, Lãng Ngâm và nhiều di chỉ Đông Sơn khác. Đặc biệt quan trọng là, khuôn đúc trống đồng cũng đã tìm được ở giai đoạn muộn hơn tại địa điểm Luy Lâu, Bắc Ninh. Đây là mảnh khuôn đúc trống duy nhất cho đến nay tìm được, là bằng chứng đầy thuyết phục việc cư dân Việt cổ đã đúc trống đồng.

Quan sát những chiếc trống Đông Sơn tiêu biểu như trống Ngọc Lũ, Hoàng Hạ, Sông Đà, Cổ Loa, chúng ta không thể không thán phục sự tài khéo của thợ đúc Đông Sơn xưa từ góc độ kỹ thuật đến mỹ thuật. Có thể nói, chủ nhân văn hóa Đông Sơn đã đạt đến đỉnh cao của nghề luyện đồng.

Bên cạnh việc phát triển nghề luyện



kim, nhiều ngành thủ công truyền thống, tiếp nối từ các văn hoá thời Tiền Đông Sơn vẫn được duy trì và phát triển. Đó là nghề làm đồ đá, làm gốm, dệt vải, nghề mộc, nghề nấu thủy tinh...

### **2.5. Đời sống tinh thần**

Thành tựu phát hiện và nghiên cứu văn hóa Đông Sơn cho thấy cư dân văn hóa Đông Sơn có một đời sống tinh thần rất phong phú.

Trước hết phải kể đến tư duy kỹ thuật Đông Sơn mà đỉnh cao là thuật luyện kim. Chủ nhân Đông Sơn đã nắm vững kỹ thuật luyện kim và đúc đồ đồng. Chính tư duy kỹ thuật này đã tạo ra hàng loạt chế phẩm công cụ sản xuất, những công cụ này khiến cho sức sản xuất thời Đông Sơn có những bước nhảy vọt so với những thời kỳ trước. Những tinh hoa vật chất của văn hóa Đông Sơn thể hiện qua những chiếc trống đồng, thạp đồng, trang sức bằng đồng là sản phẩm của tư duy kỹ thuật và mỹ thuật đã đạt đến đỉnh cao của tư duy đương thời.

Từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau, các nhà khoa học cho rằng, vào thời kỳ văn hóa Đông Sơn, cư dân văn hóa Đông Sơn đã nảy sinh tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, sùng bái các anh hùng, các thủ lĩnh. Bên cạnh tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, người Đông Sơn còn bảo lưu những tàn dư của các hình thức tôn giáo nguyên thủy như: tín ngưỡng vật tổ, ma thuật, phồn thực với những nghi lễ cầu mưa, vạn vật phát triển. Nhiều phong tục tập quán được hình thành nói lên sự

phong phú và phát triển của đời sống tinh thần trong xã hội Đông Sơn như tục xăm mình, ăn trâu cau, tục giã cối, tục ăn đất, tục cưới xin, tục ma chay, chôn cất người chết trong mộ đất, mộ có quan tài hình thuyền, chôn trong nôi vò. Lễ hội bảy giờ khá phổ biến, là một phần quan trọng trong đời sống tinh thần của cư dân Đông Sơn, trong đó đặc sắc nhất là ngày hội mùa với nhiều nghi lễ như đâm trâu, bò và các hình thức diễn xướng dân gian.

Chủ nhân văn hóa Đông Sơn có tư duy thẩm mỹ cao, rất thích cái đẹp và hướng tới cái đẹp. Nghệ thuật Đông Sơn trở thành đỉnh cao của nghệ thuật tạo hình thời Hùng Vương. Nếu như ở những văn hóa trước Đông Sơn, các hoa văn đẹp nhất được tập trung trên đồ gốm, thì đến văn hóa Đông Sơn, tinh hoa của nghệ thuật trang trí được thể hiện trên đồ đồng.

Nghệ thuật âm nhạc cũng phát triển. Có nhiều nhạc cụ được chế tạo và sử dụng như bộ gõ có trống đồng, trống da, chuông nhạc, phách, bộ hơi có khèn. Trong các nhạc cụ, tiêu biểu nhất là trống đồng. Trống đồng được sử dụng phổ biến trong các buổi tế, lễ, hội hè, ca múa. Ngoài chức năng nhạc cụ, trống đồng Đông Sơn được coi như biểu tượng quyền lực của các thủ lĩnh.

Nghệ thuật múa, ca thể hiện khá rõ rệt ở những hình khắc trên trống đồng. Trên trống đồng Ngọc Lũ có cảnh người hóa trang lông chim đang nhảy múa

theo nhịp đánh của dàn nhạc cụ trống, chiêng, hoặc tượng đồng Đông Sơn thể hiện hai người cồng nhau, vừa thổi khèn, vừa nhảy múa.

### **2.6. Phân hóa xã hội và sự hình thành Nhà nước sơ khai**

Nguồn tài liệu thư tịch cổ và truyền thuyết dân gian đã cho thấy bóng dáng của một nước sơ khai thời Hùng Vương. Dưới thời Hùng Vương có Lạc hầu, Lạc tướng, quan lang, mỵ nương, lạc dân. Thành tựu nghiên cứu khảo cổ học trong mấy chục năm qua đã chứng minh sự hình thành một Quốc gia Văn Lang, tiếp đó là Âu Lạc và một nhà nước sơ khai đã ra đời trên cơ sở nền văn hóa Đông Sơn.

Để nhận diện được sự hình thành của Nhà nước sơ khai Âu Lạc, các nhà nghiên cứu đã dựa trên một số tiền đề quan trọng sau để chứng minh:

*Thứ nhất* về điều kiện kinh tế, xã hội, có nhiều bằng chứng khảo cổ học sáng tỏ sự phát triển vượt bậc của nền kinh tế Đông Sơn so với các thời kỳ trước. Vào thời kỳ này sức sản xuất đã phát triển rất mạnh mẽ và toàn diện. Các ngành kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, trao đổi đã hỗ trợ lẫn nhau thúc đẩy sự cải tiến trong các ngành. Ngành luyện kim đồng phát triển đỉnh cao cùng với sự ra đời của kỹ thuật luyện và chế biến đồ sắt đã tạo ra các sản phẩm phục vụ sản xuất rất sắc bén đạt hiệu quả cao. Vào thời Đông Sơn đã hình thành các trung tâm sản xuất thủ

công thể hiện tính chuyên môn hóa cao trong một số di tích tiêu biểu như cụm công xưởng chế tác đồ trang sức Cồn Cầu - Bái Tê - Núi Nấp, công xưởng chế tác khuyên tai đá Núi Sen, khu đúc mũi tên đồng Đền Thượng, v.v..

Sự phát triển của kinh tế xã hội đã hình thành các khu định cư trung tâm mà ở đó có những địa điểm đóng vai trò nổi trội. Sự phân bố của các di tích Đông Sơn cho thấy, các khu định cư tại một số vùng tạo thành các cụm trung tâm như trung tâm Đào Thịnh (Yên Bái), trung tâm Làng Cả (Phú Thọ), trung tâm Cổ Loa (Hà Nội), trung tâm Việt Khê (Hải Phòng), trung tâm Đông Sơn (Thanh Hóa), trung tâm Làng Vạc (Nghệ An), v.v.. Có thể đó là trung tâm của các “bộ” của nước Văn Lang và có thể cả Âu Lạc. Cho đến nay, các nhà khảo cổ đã chỉ ra được 11 trung tâm kinh tế xã hội như vậy. Trong các “tộc” của nước Văn Lang thì “tộc” Làng Cả có khả năng là trung tâm lớn nhất mà thư tịch cũng từng nói đến nằm vị trí ngã ba sông của Kinh đô Văn Lang xưa.

Sức sản xuất cao của nền kinh tế Đông Sơn đã đem lại những sản phẩm dư thừa trong xã hội. Sự phân hóa sâu sắc trong các phương thức kiếm sống và phân chia sản phẩm lao động đã dẫn đến sự phân hóa xã hội, sự chênh lệch về của cải và địa vị. Điều này thể hiện rất rõ trong chênh lệch về số lượng và giá trị của đồ tùy táng trong các ngôi mộ Đông Sơn.

*Thứ hai*, khi tổ tiên ta bước vào thời kỳ dựng nước cũng là lúc cuộc đấu tranh bảo vệ thành quả lao động và xây dựng sáng tạo được đặt ra đồng thời, và cũng vô cùng bức thiết. Vào thời kỳ văn hóa Đông Sơn, xung đột vũ trang có chiều hướng gia tăng so với các giai đoạn trước. Tài liệu khảo cổ học cho thấy số lượng vũ khí tăng lên đột ngột với nhiều loại hình khác nhau. Chiến tranh đã trở thành hiện tượng khá phổ biến được thể hiện thành các cuộc xung đột bên trong giữa các bộ tộc và chống ngoại xâm bên ngoài. Sự đe dọa xâm lăng của thế lực phong kiến từ bên ngoài khiến ý thức dân tộc của những người Việt cổ nảy nở, họ sớm đoàn kết lại trong khối cộng đồng chung để chiến đấu giữ gìn chủ quyền lãnh thổ. Và nhu cầu phải tổ chức nhau lại để chống kẻ thù bên ngoài đã đòi hỏi phải sớm có một nhà nước ra đời.

Vào cuối thời Đông Sơn, sức ép xâm lấn từ phương Bắc luôn là mối hiểm họa rình rập. Việc Thục Phán An Dương Vương chỉ đạo xây thành Cổ Loa nằm trong bối cảnh lịch sử như vậy. Sự phát hiện hàng vạn mũi tên đồng tại địa điểm Cầu Vực trong khu thành Cổ Loa là minh chứng đầy thuyết phục về kho vũ khí của một đội quân thường trực bảo vệ Kinh thành nước Âu Lạc.

*Thứ ba*, trong quá trình phát triển, cư dân văn hóa Đông Sơn không ngừng mở rộng không gian sinh tồn, chiếm lĩnh và

bước đầu khai phá các đồng bằng châu thổ các dòng sông lớn, trong đó châu thổ sông Hồng là một địa bàn thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, đặc biệt kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước. Để giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh khai phá đất hoang, chống lũ lụt hạn hán, phát triển nghề nông, trồng lúa nước, vấn đề trị thủy được đặt lên hàng đầu. Để làm được việc đó, con người cần phải chung sức, liên kết trong một tổ chức và cần có một tổ chức để điều hành công việc chung. Đó là yêu cầu bức thiết, là tiền đề thúc đẩy sự ra đời sớm của nhà nước vào cuối thời Đông Sơn.

Sự ra đời và phát triển của Nhà nước sơ khai là đóng góp lớn nhất của thời Đông Sơn với nền độc lập tự chủ của dân tộc Việt Nam. Đây là cơ sở, nền tảng vững chắc cho sự hình thành và phát triển của các nhà nước phong kiến sau này. Bên cạnh đó, đời sống văn hóa Đông Sơn là nền tảng cơ bản nhất, hình thành nên bản sắc dân tộc, mà trong quá trình bị Bắc thuộc nó vẫn không bị mất đi, không bị đồng hóa, vẫn tồn tại mãnh liệt và trỗi dậy sau 1000 năm Bắc thuộc.

## ***2.7. Mối quan hệ văn hóa Đông Sơn với các vùng lân cận***

Văn hóa Đông Sơn là một nền văn hóa năng động, cởi mở, có mối giao lưu rộng rãi với những nền văn hoá khác trong khu vực liên kề.

### ***2.7.1. Quan hệ với văn hóa Sa Huỳnh***

Văn hóa Sa Huỳnh phân bố chủ yếu ở

miền Trung nước ta, có khung niên đại tương đương văn hóa Đông Sơn nằm trong khoảng thế kỷ IV-V trước Công nguyên đến thế kỷ I-II sau Công nguyên. Do có địa bàn phân bố liền kề nhau, nên chúng có sự ảnh hưởng lẫn nhau rất mạnh mẽ.

Các nhà khảo cổ học đã chỉ ra những ảnh hưởng từ văn hoá Đông Sơn đến văn hoá Sa Huỳnh thể hiện tập trung nhất ở loại hình di tích mộ đất (loại mộ đất rải gốm, kè gốm được phát hiện trong một số di tích văn hóa Sa Huỳnh như Gò Mả Vôi, Tiên Lãnh, Gò Quê). Đây là táng thức phổ biến của văn hóa Đông Sơn, đặc trưng nhất là trong khu mộ táng Làng Vạc. Đặc biệt, nhóm hiện vật đồ đồng phát hiện ở các địa điểm Gò Mả Vôi, Bình Yên, Tiên Lãnh, Phú Hòa (Quảng Nam), Gò Quê (Bình Định), Cồn Ràng (Thừa Thiên Huế), v.v.. là những sưu tập đồ đồng mang đặc trưng của văn hoá Đông Sơn.

Những dấu ấn của yếu tố Đông Sơn trong văn hóa Sa Huỳnh còn được thể hiện qua những chiếc trống đồng Đông Sơn phân bố trong không gian văn hoá Sa Huỳnh. Trên hầu hết các tỉnh miền Trung như Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa đều phát hiện những chiếc trống thuộc nhóm sớm của Đông Sơn.

Những tư liệu khảo cổ học cho thấy mức độ ảnh hưởng lẫn nhau của hai văn hóa này có sự khác biệt, trong đó ảnh

hưởng từ Đông Sơn đến Sa Huỳnh thể hiện khá phổ biến trên vùng phân bố của văn hóa Sa Huỳnh. Trong khi đó, vùng ảnh hưởng đậm nét của văn hóa Sa Huỳnh chỉ ghi nhận trong phạm vi vùng Bắc Trung Bộ (Nghệ An - Thanh Hóa).

### 2.7.2. Quan hệ với khu vực Nam Trung Quốc

Văn hoá đồ đồng Vân Nam có mối liên hệ rõ nét với văn hoá đồ đồng Bắc Việt Nam từ rất sớm. Có thể vào thời kỳ Vạn Gia Bá, khoảng thế kỷ VIII đến thế kỷ V trước Công Nguyên, giữa Vân Nam và Bắc Việt Nam đã có sự giao lưu mở rộng. Giai đoạn văn hóa Điền, tiêu biểu là Thạch Trại Sơn và Lý Gia Sơn, đã đánh dấu bước phát triển rực rỡ của văn hoá đồ đồng Vân Nam. Đây cũng là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của mối quan hệ giữa văn hoá Đông Sơn với văn hoá Điền.

Nhìn chung, văn hoá Đông Sơn ảnh hưởng tới vùng Lương Quảng cũng có nhiều mức độ khác nhau. Những tài liệu khảo cổ mộ táng cổ cho thấy, nhóm Lạc Việt ở vùng phía nam Quảng Tây có mối quan hệ chặt chẽ với nhóm Lạc Việt châu thổ sông Hồng và châu thổ sông Mã. Mối quan hệ này là trực tiếp, đa chiều có ảnh hưởng qua lại.

Ở vùng Quảng Đông, tài liệu hiện biết cho thấy, loại trống Đông Sơn còn tìm thấy ít, đặc biệt chưa tìm thấy trong mộ táng. Có thể cư dân Đông Việt hay Nam Việt cổ vùng châu thổ Châu Giang

không phải là cư dân đúc và sử dụng trống đồng kiểu Đông Sơn. Sự xuất hiện những thạp đồng Đông Sơn ở Quảng Đông có thể do trao đổi thông qua đường biển, hoặc do ảnh hưởng gián tiếp qua cộng đồng cư dân Lạc Việt vùng Quảng Tây. Ngược lại, những yếu tố văn hoá Sở, văn hoá Hán cũng từ Quảng Đông trực tiếp lan truyền xuống Bắc Việt Nam qua đường biển hoặc gián tiếp qua khối Lạc Việt ở Quảng Tây.

### 2.7.3. Quan hệ với khu vực Đông Nam Á

Văn hóa Đông Sơn có mối giao lưu rộng rãi với những nền văn hoá khác ở khu vực Đông Nam Á lục địa và hải đảo. Đáng lưu ý là, con đường giao lưu trên biển đã đưa chủ nhân văn hoá Đông Sơn tiếp cận đến vùng xa xôi như bán đảo Malaysia và quần đảo Indônêxia. Cũng phải kể đến những con đường giao lưu trên bộ, theo những thung lũng, ven sông suối lớn nằm sâu trong đất liền. Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy nhiều đồ đồng, nhất là trống đồng Đông Sơn ở Lào, Campuchia và Đông Bắc Thái Lan. Ngược lại ảnh hưởng của các văn hóa vùng này cũng thấy được trong văn hóa Đông Sơn, ảnh hưởng đó thể hiện qua một số đồ trang sức như vòng ống, vòng tay hoặc một số mô típ hoa văn trang trí trên đồ đồng.

Tài liệu khảo cổ học đã ghi nhận nhiều đợt giao lưu của người Đông Sơn đến với Đông Nam Á lục địa và hải đảo, trong đó những đợt sớm diễn ra vào

khoảng thế kỷ II-III tr.CN, khi mà nền văn hóa Đông Sơn phát triển cực thịnh, cư dân Đông Sơn đã mang những sản phẩm đi giao lưu với các vùng đất khác theo hình thức trao đổi hàng hóa. Đây chính là những minh chứng có sức thuyết phục lớn cho sự giao lưu văn hoá giữa cộng đồng cư dân Văn Lang - Âu Lạc với các cộng đồng cư dân các tộc người khác trong khu vực Đông Nam Á thời tiền sử. Sự giao lưu văn hoá đã giúp văn hoá Đông Sơn có một sức sống mãnh liệt, hình thành bản lĩnh mang tính cách Việt: năng động, giao lưu rộng mở, nhưng không mất đi bản sắc riêng.

### Tài liệu tham khảo

1. Andreas Reinecke, Nguyễn Chiêu, Lâm Thị Mỹ Dung (2000), *Những phát hiện mới về văn hóa Sa Huỳnh*, Nxb Linden Soft 1.
2. Bùi Chí Hoàng (2006), “Di tích khảo cổ học Tiên Lãnh (Tiên Phước, Quảng Nam)”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 6, tr. 27-38.
3. Bùi Văn Liêm, Nguyễn Ngọc Quý, Nguyễn Đăng Cường (2008), “Di tích Cồn Ràng (Thừa Thiên Huế)”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 5, tr 61- 87.
4. Chử Văn Tần (2003), *Văn hóa Đông Sơn, văn minh Việt cổ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Colani M (1936), *Notes pré et protohistoriques province de Quang Binh*, Bullentin des Amis du Vieux Hue, N<sup>o</sup> 23.
6. Diệp Đình Hoa (2004), “Cuộc di cư lớn của cư dân văn hóa Đông Sơn vào vùng cao nguyên của các tỉnh Nam Trung Bộ”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 3, tr 99-118.
7. Diệp Đình Hoa (2008), “Du khảo về một

trung tâm phát hiện trống Đông Sơn ở tỉnh Bình Định”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2007*. Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

8. Geldern H (1937), *L' art prébouddique de la chine et de l'Asie du Sud-Est et son influence en Oceanie*. R.A.A, t.XI. Paris.

9. Goloubew V (1929), *L' âge du bronze au Tonkin et dans le Nord Anam*. BEFEO, t. XXIX, Hanoi.

10. Hà Văn Tấn (Chủ biên) (1994), *Văn hóa Đông Sơn ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

11. Hà Văn Tấn (Chủ biên) (1999). *Khảo cổ học Việt Nam, Tập II. Thời đại Kim khí*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

12. Higham C.F.W (1996), *The Bronze Age of Southeast Asia*, The Cambridge University Press, Cambridge.

13. Janse O (1958), *Archaeological research in Indochina*, Vol.III. Bruges.

14. Karlgren B (1942), *The date of the early Dong Son culture*. Bulletin of the Musuem of Far Eastern Antiquitie.

15. Keiji Imamura, Chu Van Tan (2004), *The Lang Vac sites*, The University of Tokyo.

16. Lê Văn Lan, Phạm Văn Kính, Nguyễn Linh (1963), *Những vết tích đầu tiên thời đại đồng thau Việt Nam*, Nxb Khoa học, Hà Nội.

17. Nishimura M (1999), “Khuôn đúc trống đồng được phát hiện trong thành cổ Liên Lâu”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 4, tr. 99-100.

18. Phạm Huy Thông (Chairman) (1990), *Dong Son drums in Viet Nam*, The Viet Nam Social Science Publishing House, Ha Noi.

19. Phạm Minh Huyền (1996), *Văn hóa Đông Sơn tính thống nhất và đa dạng*. Nxb

Khoa học xã hội, Hà Nội.

20. Phạm Minh Huyền, Nguyễn Văn Huyền, Trịnh Sinh (1987), *Trống Đông Sơn*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

21. Phạm Minh Huyền, Bùi Văn Liêm, Nguyễn Đăng Cường (2003), *Khai quật Đồng Mỏm (Nghệ An)*, Báo cáo khai quật, Tư liệu Viện Khảo cổ học.

22. Phạm Minh Huyền, Nishimura Masanari (2008), “Sưu tập trống Đông Sơn ở Bình Định những nhận biết mới”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2007*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

23. Taylor K (1983), *The Birth of Vietnam*, University of California Press. Berkeley - Los Angeles.

24. Trình Năng Chung (2012), “Nghiên cứu mối quan hệ giữa văn hóa Đông Sơn với văn hóa Điền”, Tạp chí *Khảo cổ học*, số 6.

25. Trình Năng Chung (2013), “Giao lưu văn hóa Đông Sơn với khu vực Đông Nam Á thời tiền sử”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 2.

26. Trình Năng Chung (2013), Vestige of the Dong Son culture in Quang xi, China through archaeological records, *Vietnam Social Sciences Review*, No 6 ( 158) - 2013, pp 60-70.

27. Trịnh Sinh (2005), “Mối quan hệ Sa Huỳnh - Đông Sơn qua những tài liệu mới”, *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 2005*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

28. Trịnh Sinh (2011), *Sự hình thành nhà nước sơ khai ở miền Bắc Việt Nam qua tài liệu khảo cổ học*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

29. Trương Tăng Kỳ (1997), *Vương quốc cổ Điền và văn hóa Điền*, Nhà xuất bản Mỹ thuật Văn Nam, Văn Nam (Chữ Trung Quốc).

